

Số: /BC-UBND

Tây Ninh, ngày tháng 10 năm 2025

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh Tây Ninh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (số liệu tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2025)

UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh Tây Ninh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, cụ thể như sau:

#### I. Tổng điểm chung

- **Kết quả đến cuối tháng 9/2025:** Tổng đạt 80.43/100 điểm, xếp hạng 27/34 tỉnh thành.

Trong tháng 10/2025, UBND tỉnh tiếp tục quán triệt chỉ đạo các sở, ngành tỉnh và địa phương thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện các chỉ số của tỉnh; giao Văn phòng UBND tỉnh làm đầu mối liên hệ với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

- **Kết quả đến ngày 15/10/2025:** Tổng điểm của tỉnh Tây Ninh đạt 84.53/100 điểm (tăng 4.10 điểm so với cuối tháng 9/2025), xếp hạng 27/34 tỉnh thành, cách tỉnh xếp hạng 20 khoảng 1.50 điểm (86.09 điểm), cách tỉnh xếp hạng 10 khoảng 3.50 điểm (87.88 điểm).

*Chi tiết các địa phương xem tại Phụ lục đính kèm*

#### II. Chỉ số thành phần cụ thể

##### 1. Công khai, minh bạch:

- **Kết quả đến cuối tháng 9/2025:** Đạt 10/18 điểm, cao hơn điểm trung bình của cả nước 2.5 điểm (7.5 điểm). Trong đó: Đa số các sở, ngành tỉnh và UBND các xã, phường đều đạt 18/18 điểm, riêng Sở Tài chính đạt 6.49 điểm và UBND xã Mỹ Hạnh đạt 12.46 điểm.

+ Nguyên nhân: khi thực hiện báo cáo Sở Tài chính và UBND xã Mỹ Hạnh nhập sai số liệu đồng bộ (khai không đúng TTHC có trên Hệ thống một cửa điện tử, khai thêm TTHC nội bộ và Hồ sơ lĩnh vực đăng ký kinh doanh, tăng tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến... Do đó, khi đồng bộ thiếu so với số liệu đã khai bên hệ thống quốc gia).

UBND tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) liên hệ Cục Kiểm soát thủ tục hành chính để đính chính phần số liệu của Sở Tài chính và UBND xã Mỹ Hạnh, đã phối hợp cập nhật lại số liệu, gửi Cục Kiểm soát thủ tục hành chính phê duyệt lại; tuy nhiên, hiện nay hệ thống vẫn chưa

đồng bộ số liệu này nên phân chi số công khai, minh bạch của Sở Tài chính và UBND xã Mỹ Hạnh vẫn thấp hơn các đơn vị khác.

- **Kết quả đến ngày 15/10/2025:** Đạt tối đa 18/18 điểm.

*Chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm.*

## **2. Tiến độ giải quyết:**

- **Kết quả đến cuối tháng 9/2025:** Đạt 18.8/20 điểm, cao hơn so với điểm trung bình của cả nước 2.3 điểm (16,5 điểm). Trong đó:

+ Sở Ngoại vụ đạt số điểm tốt đa 20/20 điểm, UBND xã Tuyên Thạnh đạt điểm cao nhất trong các xã, phường: 19,96 điểm.

+ Có 03 sở, ngành tỉnh có điểm số thấp là: Sở Tư pháp (17.47 điểm), Sở Nông nghiệp và Môi trường (17.34 điểm), Sở Y tế (16.5 điểm).

+ Có 05 xã có điểm số thấp: UBND xã Phước Thạnh (17.24 điểm), UBND phường Gia Lộc (17.45 điểm), UBND xã Tân Hội (16.79 điểm), UBND phường An Tịnh (16.63 điểm), UBND xã Truong Mít (15.9 điểm).

### **\* Nguyên nhân:**

+ Đối với hồ sơ cấp tỉnh: một phần là do cán bộ, công chức, viên chức còn mang tâm lý chủ quan, chậm tham mưu, thẩm định, trình ký, chuyển trả kết quả; chưa chủ động trao đổi với các phòng ban chuyên môn, còn lúng túng trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; trên lĩnh vực đất đai hồ sơ mang tính chất phức tạp, Thuế tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa phối hợp chặt chẽ trong công tác luân chuyển hồ sơ, xác định nghĩa vụ thuế cho người dân và doanh nghiệp (ngày 03/10/2025 UBND tỉnh đã chủ trì tổ chức họp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc giữa các ngành).

+ Đối với hồ sơ cấp xã: trình độ chuyên môn của cán bộ công chức, viên chức chưa đồng đều, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác, tiếp cận công việc chậm, khả năng đọc hiểu văn bản còn chậm, mang tâm lý chủ quan, chậm xử lý hồ sơ, trả kết quả cho người dân (trong đó, có nhiều trường hợp chậm tiếp nhận sau 8 giờ khi người dân đã nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia); còn lúng túng trong công tác phối hợp các phòng ban chuyên môn; còn thụ động trong việc trao đổi thông tin với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để được hướng dẫn giải quyết hồ sơ.

- **Kết quả đến ngày 15/10/2025:** Đạt 18,9/20 điểm, cao hơn điểm trung bình của cả nước 6.8 điểm (12.1 điểm).

*Chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm.*

## **3. Dịch vụ trực tuyến**

### **3.1 Dịch vụ công trực tuyến:**

- **Kết quả đến cuối tháng 9/2025:** Đạt 8.2/12 điểm, cao hơn so với điểm trung bình của cả nước 3.8 điểm (4.4 điểm). Trong đó: các sở, ngành tỉnh đa số đều đạt 10 điểm, riêng Sở Tài chính đạt 5.27 điểm; Đa số UBND các xã, phường đều đạt trên 8 điểm.

### **\* Nguyên nhân:**

+ Thời gian đầu khi mới vận hành Công dịch vụ công quốc gia chưa ổn định, đôi lúc lỗi hệ thống không đăng nhập được người dân phải chờ đợi lâu, do đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công phải thực hiện nhận hồ sơ trực tiếp để không ảnh hưởng đến công việc người dân và doanh nghiệp; bên cạnh đó, một số TTHC người dân không phát sinh hồ sơ (người dân không có nhu cầu thực hiện) ảnh hưởng đến tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ (theo công thức tính quy định tại Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ). Một số thủ tục hành chính của Sở Tài chính thực hiện trên hệ thống phần mềm riêng của Bộ Tài chính.

+ Ở cấp xã: đội ngũ cán, bộ công chức viên chức chưa đồng đều một số nơi chưa nắm bắt công việc để thực hiện hướng dẫn cho người dân nộp hồ sơ trực tuyến ảnh hưởng đến tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến.

- **Kết quả đến ngày 15/10/2025:** Đạt 8.1/12 điểm, cao hơn điểm trung bình của cả nước 3.8 điểm (4.3 điểm).

*Chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm*

### **3.2 Thanh toán trực tuyến:**

- **Kết quả đến cuối tháng 9/2025:** Đạt 8.8/10 điểm, cao hơn so với điểm trung bình của cả nước 2 điểm (6.8 điểm). Trong đó:

+ Có 04 sở, ngành tỉnh đạt điểm tối đa 10 điểm là: Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và tôn giáo, Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Có 02 xã, phường đạt điểm cao: UBND phường Kiến Tường (8.73 điểm), và UBND xã Mỹ Hạnh (8.72 điểm).

+ Có 05 sở, ngành tỉnh có điểm thấp: Sở Nông nghiệp và Môi trường (5.05 điểm), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (4.45 điểm), Sở Tư pháp (3.15 điểm), Sở Xây dựng (2.87 điểm), Sở Tài chính (2.9 điểm).

+ Có 05 xã có điểm thấp: UBND xã Càn Giuộc (4.46 điểm), UBND xã Tân Thành (4.37 điểm), UBND xã Thạnh Đức (4.19 điểm), UBND xã Hòa Hội (3.61 điểm), UBND xã Phước Vinh (3.4 điểm).

#### **\* Nguyên nhân:**

Một bộ phận người dân còn mang tâm lý e ngại khi thực hiện thanh toán trực tuyến, sợ lừa đảo, sợ mất tiền, đã có trường hợp tài khoản bị trừ tiền nhưng không thanh toán thành công nên người dân vẫn muốn thanh toán trực tiếp hơn là trực tuyến; bên cạnh đó, đôi lúc các kênh thanh toán trung gian và ngân hàng liên kết trên Công dịch vụ công quốc gia bị lỗi hệ thống không thực hiện được.

- **Kết quả đến ngày 15/10/2025:** Đạt 8.6/10 điểm, cao hơn điểm trung bình của cả nước 1.7 điểm (6.9 điểm).

*Chi tiết xem tại Phụ lục*

### **4. Mức độ hài lòng:**

- **Kết quả đến cuối tháng 9/2025:** Đạt 16.5/18 điểm, cao hơn so với điểm trung bình của cả nước 1.2 điểm (15.3 điểm). Trong đó:

+ Đa số các sở, ngành tỉnh đều đạt 18 điểm; riêng có 04 sở dưới 18 điểm: Sở Giáo dục và Đào tạo (17.95 điểm), Sở Tư pháp (17.82 điểm), Sở Nông nghiệp và Môi trường (17.78 điểm), Sở Y tế tỉnh (17.5 điểm).

+ Đa số UBND các xã, phường đều đạt 18 điểm; có 05 xã, phường điểm thấp: UBND phường Gia Lộc (17.82 điểm), UBND xã Phước Thạnh (17.75), UBND xã Tân Hội (17.6 điểm), UBND phường An Tịnh (17.54 điểm), UBND xã Truong Mít (17.3 điểm).

\* **Nguyên nhân:** do việc xử lý hồ sơ, trả kết quả TTHC trễ hạn, việc nộp hồ sơ trực tuyến không thuận lợi trong thời gian đầu vận hành nên một số người dân và doanh nghiệp không hài lòng, các sở, ngành và địa phương đã tích cực thông tin, giải thích cho người dân nhưng vẫn không nhận được thông cảm, sẽ chia từ người dân.

- **Kết quả đến ngày 15/10/2025:** Đạt 12/18 điểm, cao hơn điểm trung bình của cả nước 2.3 điểm (10.3 điểm).

**Chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm**

### 5. Số hóa hồ sơ:

- **Kết quả đến cuối tháng 9/2025:** Đạt 18.2/22 điểm, cao hơn so với điểm trung bình của cả nước là 4.1 điểm (14.1 điểm). Trong đó:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo đạt điểm cao trong các sở, ngành tỉnh (15.72 điểm); UBND xã Thạnh Lợi đạt điểm cao trong các địa phương (16.72 điểm).

+ Có 05 sở, ngành tỉnh có điểm thấp: Sở Nội vụ (12.45 điểm), Sở Y tế (11.71 điểm), Ban Quản lý Khu Kinh tế (10.53 điểm), Sở Tài chính (7.51 điểm), Sở Ngoại vụ (6.09 điểm).

+ Có 05 UBND xã có điểm thấp: UBND xã Tân Hội (14.49 điểm), UBND phường An Tịnh (14.42 điểm), UBND xã Phước Vinh (14.39 điểm), UBND xã Tân Phú (13.77 điểm), UBND xã Khánh Hưng (13.41 điểm).

\* **Nguyên nhân:** là do kết quả số hóa hồ sơ thấp dẫn đến tỷ lệ cấp kết quả điện tử và khai thác dữ thấp; một phần là do cán bộ, công chức, viên chức các phòng ban chuyên môn luân chuyển thay đổi vị trí công việc chưa nắm bắt việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC dẫn đến thiếu sót không thực hiện số hóa khi chuyển trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- **Kết quả đến ngày 15/10/2025:** Đạt 11.4/22 điểm, cao hơn điểm trung bình của cả nước 1.9 điểm (9.5 điểm).

**Chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm**

## III. GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên góp phần cải thiện Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp và thứ hạng của tỉnh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành tỉnh và UBND các xã, phường thực hiện một số giải pháp như sau:

### 1. Văn phòng UBND tỉnh:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của tỉnh Tây Ninh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia để triển khai thực hiện các pháp khắc phục, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan đơn vị từng bước cải thiện thứ hạng của tỉnh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chuyển đổi số) tiếp tục liên hệ Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Chính phủ và đơn vị vận hành Cổng dịch vụ công Quốc gia để tháo gỡ những tồn tại, hạn chế trong việc cấu hình kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia đảm bảo việc thực hiện TTHC được thông suốt, các chỉ số của tỉnh đều được đồng bộ theo đúng với số liệu thực tế của tỉnh cải thiện thứ hạng của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh kịp thời chấn chỉnh thái độ cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp công dân, không được từ chối hồ sơ của người dân nộp khi hồ sơ đảm bảo đầy đủ thành phần theo đúng quy định, kịp thời thay thế cán bộ có phản ánh hay bị đánh giá không hài lòng.

- Kiểm tra phản ánh kiến nghị đã chuyển cho các sở, ngành tỉnh và địa phương, đôn đốc nhắc nhở thường xuyên thực hiện trả lời kịp thời theo đúng quy định, nếu vẫn chậm trễ và trễ hạn báo cáo thì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để xem xét trách nhiệm của người đứng đầu.

## 2. Các sở, ngành tỉnh:

- Khẩn trương rà soát tham mưu chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, kịp thời tham mưu, trình UBND tỉnh công bố đúng thời gian quy định và đảm bảo 100% thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trước 31/12/2025; đẩy mạnh công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tạo lập kho dữ liệu điện tử, tái sử dụng kết quả điện tử không yêu cầu người dân phải nộp các loại giấy tờ đã được số hóa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Quán triệt các phòng chuyên môn, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tiếp nhận hồ sơ, phối hợp giải quyết và trả kết quả TTHC đảm bảo đúng thời gian hẹn trả kết quả cho người dân và doanh nghiệp.

## 3. UBND các xã, phường:

- Thường xuyên quan tâm đến công tác tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp, kịp thời chấn chỉnh các tình trạng “cò hồ sơ” gây khó khăn cho người dân, yêu cầu nộp những thành phần hồ sơ không với đúng theo quy định. Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức tăng cường phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn, đơn vị chủ quản cấp tỉnh để kịp thời trao đổi chuyên môn nghiệp vụ để kịp thời giải quyết hồ sơ, TTHC cho người dân.

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của địa phương; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, ban, trung tâm trực thuộc UBND cấp xã.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh Tây Ninh trên Công Dịch vụ công Quốc gia của UBND tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Thuế tỉnh;
- UBND, TTPVHCC các xã, phường;
- Phòng: TH + VHXH;
- TTPVHCC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Tấn Hòa**

**PHỤ LỤC****Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp  
trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia***(Kèm theo Báo cáo số: /UBND-TTPVHCC ngày / /2025 của UBND tỉnh)***I. Bảng xếp hạng tổng điểm của các tỉnh, thành phố trên cả nước (tính  
đến ngày 15/10/2025):**

<b>ST T</b>	<b>Tỉnh/Thành phố</b>	<b>Công khai, minh bạch</b>	<b>Tiến độ giải quyết</b>	<b>Dịch vụ trực tuyến</b>	<b>Mức độ hài lòng</b>	<b>Số hóa hồ sơ</b>	<b>Tổng điểm</b>
1	UBND tỉnh Bắc Ninh	15.64	19.03	18.36	17.86	20.8	<b>91.69</b>
2	UBND tỉnh Thái Nguyên	15.62	19.11	18.3	17.86	19.72	<b>90.61</b>
3	UBND tỉnh Đồng Nai	16.09	18.79	18.33	17.39	19.89	<b>90.49</b>
4	UBND tỉnh Cà Mau	16.19	18.63	17.65	17.94	19.55	<b>89.96</b>
5	UBND tỉnh Quảng Trị	15.38	19.4	16.53	17.88	20.51	<b>89.7</b>
6	UBND tỉnh Thanh Hóa	15.2	18.64	17.04	17.13	21.51	<b>89.52</b>
7	UBND tỉnh Quảng Ninh	14.84	18.08	18.25	17.7	20.2	<b>89.07</b>
8	UBND tỉnh Gia Lai	15.39	19.01	17.09	17.85	19.71	<b>89.05</b>
9	UBND tỉnh Phú Thọ	15.13	19.01	17.4	17.82	19.46	<b>88.82</b>
10	UBND tỉnh An Giang	15.45	18.74	17.44	17.9	18.35	<b>87.88</b>
11	UBND tỉnh Sơn La	15.3	19.66	16.45	18	18.23	<b>87.64</b>
12	UBND tỉnh Tuyên Quang	14.78	19.38	17.2	18	18.09	<b>87.45</b>
13	UBND tỉnh Lâm Đồng	15.36	18.77	17.15	17.76	18.37	<b>87.41</b>
14	UBND tỉnh Đắk Lắk	14.51	18.15	17.38	17.53	19.35	<b>86.92</b>

<b>ST T</b>	<b>Tỉnh/Thành phố</b>	<b>Công khai, minh bạch</b>	<b>Tiến độ giải quyết</b>	<b>Dịch vụ trực tuyến</b>	<b>Mức độ hài lòng</b>	<b>Số hóa hồ sơ</b>	<b>Tổng điểm</b>
15	UBND Thành phố Hà Nội	15.3	17.56	16.39	17.25	20.29	<b>86.79</b>
16	UBND tỉnh Hà Tĩnh	14.62	17.8	17.52	15.32	21.39	<b>86.65</b>
17	UBND tỉnh Ninh Bình	15.63	19.02	17.06	17.93	16.81	<b>86.45</b>
18	UBND tỉnh Lào Cai	15.4	18.74	16.61	17.97	17.68	<b>86.4</b>
19	UBND tỉnh Hưng Yên	16.18	19.53	17.12	16.33	17.21	<b>86.37</b>
20	UBND Thành phố Cần Thơ	14.55	18.89	17.47	17.87	17.31	<b>86.09</b>
21	UBND Thành phố Hải Phòng	15.44	16.03	18.01	17.03	19.19	<b>85.7</b>
22	UBND tỉnh Đồng Tháp	14.9	18.97	14.15	17.4	19.99	<b>85.41</b>
23	UBND tỉnh Nghệ An	14.6	18.83	16.71	16.86	18.29	<b>85.29</b>
24	UBND tỉnh Lai Châu	15.86	19.19	15.32	18	16.59	<b>84.96</b>
25	UBND Thành phố Huế	16.11	17.14	15.69	17.36	18.53	<b>84.83</b>
26	UBND tỉnh Cao Bằng	15.15	18.97	16.34	17.88	16.42	<b>84.76</b>
27	UBND tỉnh Tây Ninh	14.79	18.86	16.89	16.4	17.59	<b>84.53</b>
28	UBND tỉnh Vĩnh Long	14.92	18.64	14.57	17.81	18.49	<b>84.43</b>
29	UBND tỉnh Lạng Sơn	14.74	18.87	16.14	17.66	16.11	<b>83.52</b>
30	UBND tỉnh Điện Biên	14.89	19.36	14.45	18	15.9	<b>82.6</b>
31	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	15.16	18.39	16.07	17.94	13.82	<b>81.38</b>

STT	Tỉnh/Thành phố	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm
32	UBND Thành phố Đà Nẵng	14.79	17.51	16.67	15.55	16.51	<b>81.03</b>
33	UBND tỉnh Quảng Ngãi	11.81	18.93	14.34	15.76	18.67	<b>79.51</b>
34	UBND tỉnh Khánh Hòa	10.58	17.74	10.96	17.07	17.9	<b>74.25</b>

## II. Các chỉ số thành phần của tỉnh Tây Ninh trong Quý III năm 2025

### 1. Chỉ số Công khai, minh bạch

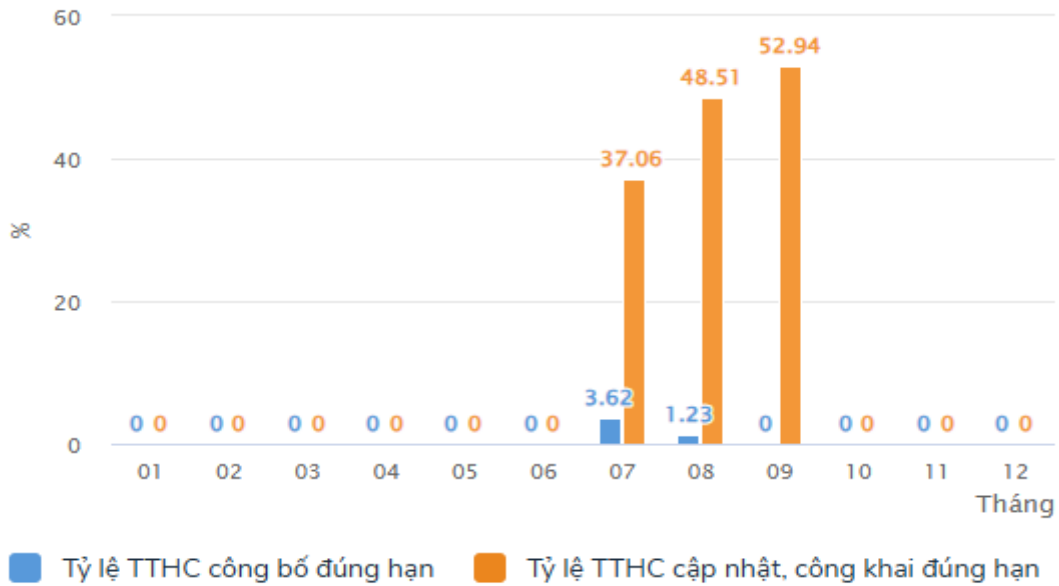
STT	Sở	Điểm
6	thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	18
7	Sở Y tế tỉnh Tây Ninh	18
8	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh	18
9	Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh	18
10	Sở Ngoại vụ tỉnh Tây Ninh	18
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh	18
12	Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	18
13	Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh	6.49

STT	Xã	Điểm
88	Giuộc	18
89	UBND xã Tân Thành	18
90	UBND xã Thạnh Bình	18
91	UBND phường Long An	18
92	UBND xã Hòa Hội	18
93	UBND xã Thạnh Đức	18
94	UBND xã Phước Vinh	18
95	UBND xã Tân Hội	18
96	UBND xã Mỹ Hạnh	12.46

## TÌNH HÌNH ĐỒNG BỘ HỒ SƠ CẤP SỞ

12	Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh	1358	551
6	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh	1079	426
13	Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh	776	2151
11	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh	624	320
9	Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	557	249
4	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh	543	325
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	393	254
7	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Tây Ninh	127	8
5	Sở Ngoại vụ tỉnh Tây Ninh	41	4

ĐIỂM TRUNG BÌNH

**10,0/18 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CÔNG BỐ, CẬP NHẬT CÔNG KHAI ĐÚNG HẠN****SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH**

TTHC công khai đầy đủ

2.020

Tổng số TTHC

2.020

**TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG**

Hồ sơ đã đồng bộ **288.663**

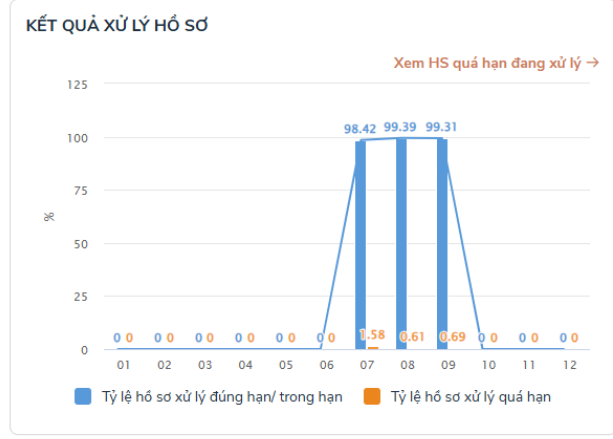
*Không có dữ liệu hồ sơ đồng bộ*

**2. Chỉ số Tiến độ giải quyết:**

← Quay lại Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn, trong hạn - UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Sở	Điểm	STT	Xã	Điểm
	tỉnh Tây Ninh			Đức	17.20
7	Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh	18.67	89	UBND phường Trảng Bàng	17.95
8	Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh	18.49	90	UBND phường Long An	17.86
9	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh	18.24	91	UBND xã Hảo Đức	17.71
10	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh	17.85	92	UBND phường Gia Lộc	17.45
11	Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	17.47	93	UBND xã Phước Thạnh	17.24
12	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh	17.34	94	UBND xã Tân Hội	16.79
13	Sở Y tế tỉnh Tây Ninh	16.5	95	UBND phường An Tịnh	16.63
			96	UBND xã Trường Mít	15.9

**ĐIỂM TRUNG BÌNH 18,8/20 ĐIỂM**



**THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TRUNG BÌNH CỦA TTHC**

Tất cả Đơn vị tính: Giờ

### 3. Chỉ số Dịch vụ trực tuyến

#### 3.1 Dịch vụ công trực tuyến:

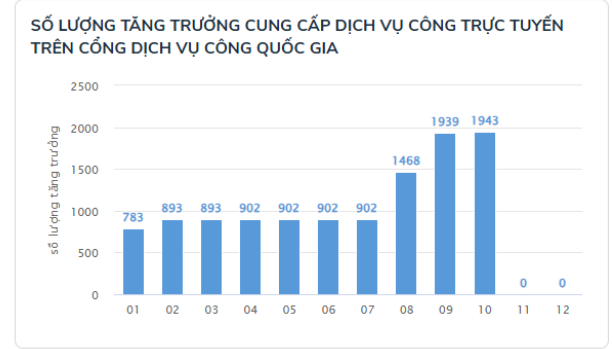
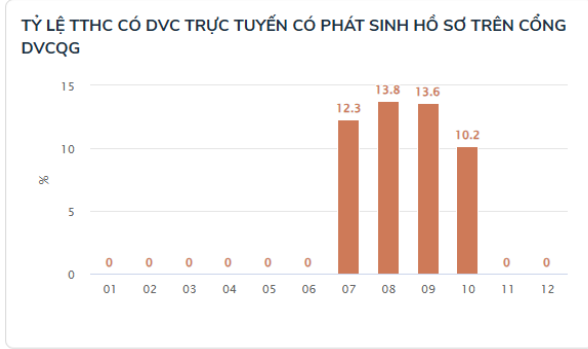
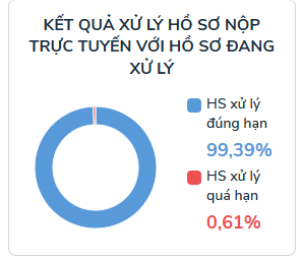
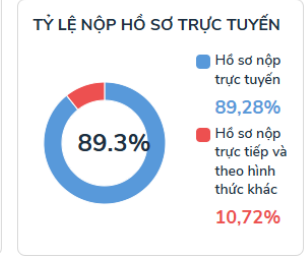
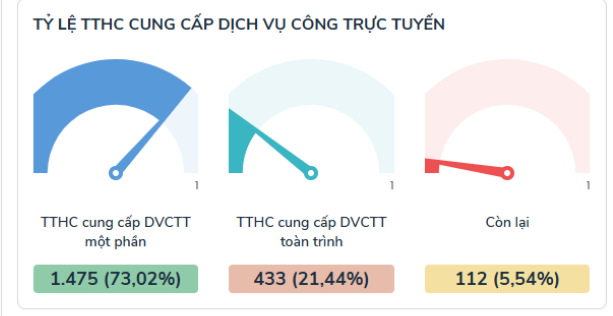
Nhóm chỉ tiêu: Dịch vụ công trụ v | Loại thời gian: Quý | Quý: 3

Năm: 2025 | Tỉnh/thành phố: UBND tỉnh Tây Ninh | Thủ tục: Tất cả

← Quay lại Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến - UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Sở	Điểm	STT	Xã	Điểm
6	thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	10	88	UBND xã Nhựt Tảo	8.03
7	Sở Y tế tỉnh Tây Ninh	10	89	UBND xã Thủ Thửa	8.03
8	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh	10	90	UBND xã Bình Thành	8.03
9	Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh	10	91	UBND xã Hậu Thạnh	8.03
10	Sở Ngoại vụ tỉnh Tây Ninh	10	92	UBND phường Thanh Điền	8.03
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh	10	93	UBND xã Long Thuận	8.03
12	Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	10	94	UBND xã Tân Hòa	8.03
13	Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh	5.27	95	UBND xã Thạnh Bình	8.03
			96	UBND xã Hảo Đức	8.02

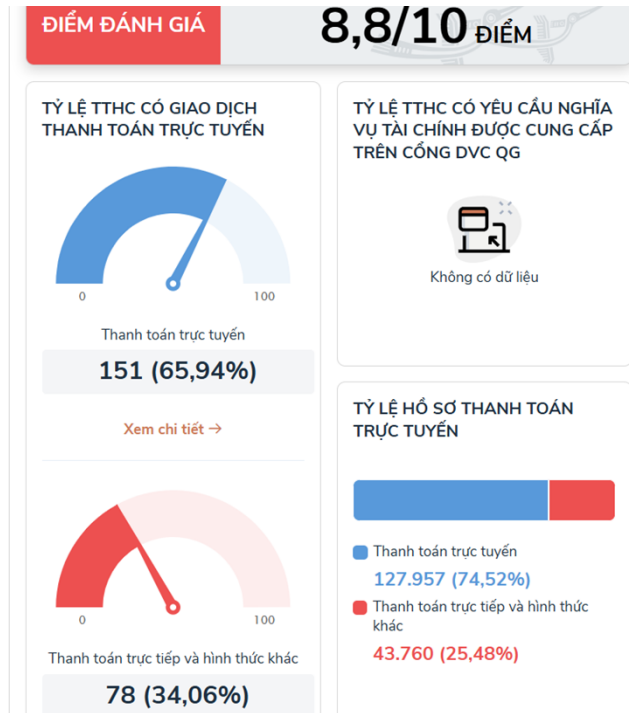
**ĐIỂM ĐÁNH GIÁ 8,2/12 ĐIỂM**



### 3.2 Thanh toán trực tuyến:

← Quay lại Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến - UBND tỉnh Tây Ninh

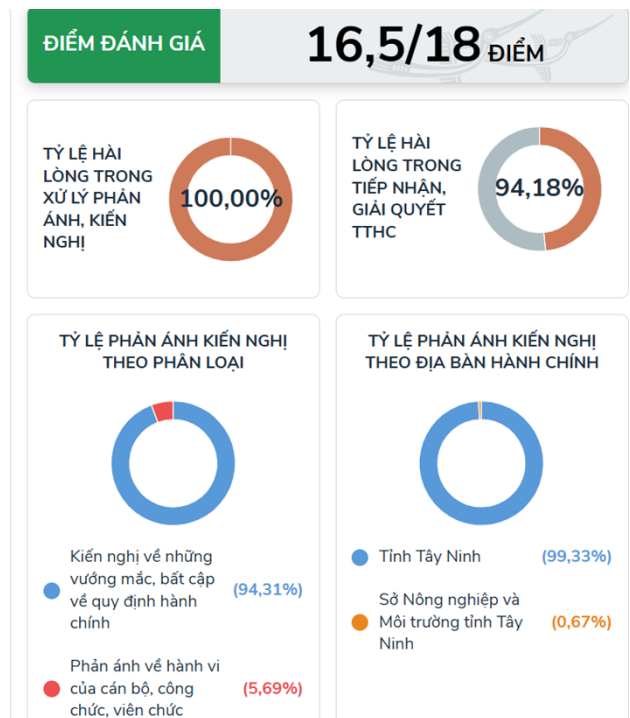
STT	Sở	Điểm	STT	Xã	Điểm
7	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh	6.99	88	UBND xã Trà Vong	5
8	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh	5.25	89	UBND phường Long An	4.89
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh	5.05	90	UBND xã Hiệp Hòa	4.86
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	4.45	91	UBND xã Thạnh Bình	4.78
11	Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	3.15	92	UBND xã Cấn Giuộc	4.46
12	Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh	2.9	93	UBND xã Tân Thành	4.37
13	Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh	2.87	94	UBND xã Thạnh Đức	4.19
			95	UBND xã Hòa Hội	3.61
			96	UBND xã Phước Vinh	3.4



### 4. Chỉ số mức độ hài lòng:

← Quay lại Kết quả đánh giá Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC - UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Sở	Điểm	STT	Xã	Điểm
6	Kinh tế tỉnh Tây Ninh	18	00	Đức	17.99
7	Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh	18	89	UBND phường Trảng Bàng	17.98
8	Sở Ngoại vụ tỉnh Tây Ninh	18	90	UBND phường Long An	17.95
9	Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh	18	91	UBND xã Hào Đức	17.9
10	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh	17.95	92	UBND phường Gia Lộc	17.82
11	Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	17.82	93	UBND xã Phước Thạnh	17.75
12	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh	17.78	94	UBND xã Tân Hội	17.6
13	Sở Y tế tỉnh Tây Ninh	17.5	95	UBND phường An Tịnh	17.54
			96	UBND xã Trường Mít	17.3



### 5. Số hóa hồ sơ:

